



# TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 9, Đường Đèo Giang, phường Chi Lăng, TP  
Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 02053.812.182. Website: LCE.EDU.VN

Email: cdsplangson@moet.edu.vn

## QUY TRÌNH TUYỂN SINH

Mã hóa : QT.03  
Ban hành lần : Thứ nhất  
Hiệu lực từ ngày : 02/11/2021

|           | NGƯỜI SOẠN<br>THẢO | TRƯỞNG ĐƠN<br>VỊ PHỤ TRÁCH | HIỆU TRƯỞNG   |
|-----------|--------------------|----------------------------|---------------|
| Chữ ký    |                    |                            |               |
| Họ và tên | Lương Ánh Chung    | Lê Thị Minh Thi            | Phùng Quý Sơn |

## **1. Mục đích và phạm vi áp dụng**

a. Mục đích: Quy trình này quy định về cách thức, thủ tục và các bước thực hiện tổ chức tuyển sinh theo đúng Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động thương binh và Xã hội ban hành, thực hiện nghiêm túc những Quy định về công tác tuyển sinh của Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn; đồng thời việc tổ chức quy trình này nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng của hoạt động tuyển sinh.

b. Phạm vi áp dụng: Quy trình này được áp dụng tại Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn

## **2. Định nghĩa và từ viết tắt**

HĐTS: Hội đồng tuyển sinh

BGH: Ban Giám hiệu

Bộ LĐ - TB&XH: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Bộ GD&ĐT: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trường CĐSP LS: Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn

ĐKXT: Đăng ký xét tuyển

QLĐT: Phòng Quản lý Đào tạo

TC - CTHSSV: Phòng tổ chức - Công tác HSSV

TS: Tuyển sinh

## **3. Lưu đồ**

**QUY TRÌNH TUYỂN SINH**

| Chuẩn bị            |   | Thực hiện  |   | Đánh giá/phản hồi  | Lưu hồ sơ     |
|---------------------|---|--|---|--|---------------|
| Ban Giám Hiệu       | 2. Trình Lãnh đạo phê duyệt   |  |   |  |               |
| Phòng TC - CTHSSV   |   | 15. Tổ chức nhập học lần 1   | 17. Lập mã HSSV, ra QĐ phân lớp   |  |               |
| Hội đồng tuyển sinh |   | 13. Tổ chức xét tuyển lần 1 theo quy định  | 14. Kiểm tra hồ sơ lần 2, thông báo danh sách trúng tuyển, gửi giấy triệu tập trúng tuyển | 16. Xét tuyển các đợt bổ sung  |               |
| Phòng NCKH&DBCL     |   | 12. Kiểm tra hồ sơ lần 1   | 11. Đưa ra ngưỡng ĐBCL của Trường, xây dựng tiêu chí và PA xét tuyển                      | 10. Tổ chức thi năng khiếu, báo cáo kết quả theo quy định            |               |
| Ban tuyển sinh      |   | 5. Công khai đề án TS trên cổng thông tin của Bộ GD&ĐT, Trường CĐSP LS           |   | 18. Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ gốc của thí sinh với dữ liệu xét tuyển |               |
| Phòng QLĐT & HTQT   | 1. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh<br>3. Báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh<br>4. Thành lập Ban Tuyển sinh | 8. tuyển truyền, tư vấn, trực và thu hồ sơ tuyển sinh<br>7. Thông báo tuyển sinh | 9. Thành lập Ban chấm thi năng khiếu  | 19. Báo cáo kết quả TS với Sở, Bộ GD&ĐT, Sở LĐ-TR&XH                 | 20. Lưu hồ sơ |

## 4. Đặc tả

| STT | Tên bước (công việc)  | Nội dung   | Bộ phận/ Người thực hiện | Bộ phận/ Người phối hợp thực hiện | Kết quả đạt được                      | Hạn hoàn thành                | Biểu mẫu         |
|-----|---|--|--------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|------------------|
| 1   | Xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm                                    | Căn cứ vào nội dung hướng dẫn, đơn vị được giao phụ trách công tác tuyển sinh xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm, thể hiện rõ rõ mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung, hình thức và tiến độ thực hiện trình Hiệu trưởng phê duyệt.   | Phòng QLĐT & HTQT        | Các đơn vị trong trường           | Dự thảo Kế hoạch tuyển sinh.          | Trước tháng 2 hàng năm        | BM/QT.03/QLĐT/01 |
| 2   | Trình lãnh đạo phê duyệt  | Trình Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh.   | Phòng QLĐT & HTQT        |                                   | Kế hoạch tuyển sinh đã được phê duyệt | Trước 15/3 hàng năm           |                  |
| 3   | Báo cáo xác định chi tiêu   | Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh, HĐTS xây dựng chi tiêu tuyển sinh hàng năm, trong đó thể hiện rõ các điều kiện của nhà trường theo biểu mẫu quy định gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh để được phê duyệt số lượng tuyển sinh.   | Phòng QLĐT & HTQT        | Các đơn vị trong trường           | Báo cáo, đề án                        | Trước tháng 3 hàng năm        | BM/QT.03/QLĐT/02 |
| 4   | Thành lập Ban tuyển sinh  | Căn cứ theo kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường, Đơn vị được giao phụ trách công tác tuyển sinh soạn thảo quyết định thành lập Ban tuyển sinh, báo cáo lãnh đạo Nhà trường phê duyệt (Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban tuyển sinh được tham chiếu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Lao động thương binh và Xã hội hàng năm).<br>Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường, Trưởng ban giao nhiệm vụ cho các thành viên xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai công tác tuyển sinh được đảm bảo được sự chính xác. | Phòng QLĐT & HTQT        | Các đơn vị trong trường           | Quyết định                            | Trước tháng 3 hàng năm        | BM/QT.03/QLĐT/03 |
| 5   | Công khai đề án TS trên công thông tin của Bộ GD&ĐT, Trường CĐSP LS | Sau khi được phê duyệt, trưởng công khai đề án tuyển sinh trên công thông tin của Bộ giáo dục và của cơ sở đào tạo lên Website nhà trường.   | Phòng QLĐT & HTQT        | Phòng KHCN&ĐBCL                   | Công khai đề án theo quy định         | Theo thông báo của Bộ GD & ĐT | BM/QT.03/QLĐT/04 |
| 6   | Thành lập HĐTS, Ban giúp việc                                       | Căn cứ theo kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường, Đơn vị được giao phụ trách công tác tuyển sinh soạn thảo quyết định thành lập HĐTS thành lập các Ban chuyên môn  | Ban tuyển sinh           | Các đơn vị trong trường           | Quyết định                            | Tháng 3 hàng năm              | BM/QT.03/QLĐT/05 |

|    |   |  |                         |   |  |                     |                  |
|----|---|--|-------------------------|---|--|---------------------|------------------|
|    |   | <p>của HĐTS và báo cáo lãnh đạo Nhà trường phê duyệt (<i>Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh được tham chiếu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hàng năm</i>).</p> <p>Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường, Chủ tịch HĐTS giao nhiệm vụ cho các ban giúp việc của Hội đồng xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai công tác tuyển sinh được đảm bảo được sự chính xác.</p>   |                         |   |  |                     |                  |
| 7  | Thông báo tuyển sinh  | <p>Thông tin rộng rãi toàn bộ nội dung tuyển sinh hàng năm của nhà trường sau khi được phê duyệt chi tiêu và đề án tuyển sinh</p>  | UVTT Ban tuyển sinh     | Các đơn vị trong và ngoài trường                        | Thông báo  | Tháng 4 hàng năm    | BM/QT.03/QLĐT/06 |
| 8  | Thực hiện các nội dung tuyển truyền, tư vấn, trực và thu hồ sơ tuyển sinh | <p>Ban thư ký xây dựng các kế hoạch tuyển truyền rộng rãi đến thí sinh các thông tin tuyển sinh của nhà trường sau đó tiếp nhận hồ sơ của các thí sinh đăng ký dự tuyển trực tiếp tại trường và qua đường bưu điện. Sau khi kết thúc thời gian thu nhận hồ sơ Ban thư ký lập danh sách trích ngang hồ sơ thí sinh đăng ký dự thi theo các thông số cần thiết theo quy định về công tác tuyển sinh, báo cáo HĐTS và Ban Giám hiệu dữ liệu về công tác tuyển sinh để triển khai các hoạt động tiếp theo.</p> | Ban tuyển sinh          | Phòng Hành chính – Tổng hợp, phòng Kế hoạch – tài chính | Tư vấn tuyển truyền đầy đủ theo kế hoạch, thu hồ sơ ĐKXT của thí sinh đúng quy chế | Tháng 5 đến tháng 7 |                  |
| 9  | Thành lập Ban chấm thi năng khiếu   |  | Hội đồng tuyển sinh     | Ban chấm thi năng khiếu                                 | Quyết định   | Tháng 7 hàng năm    | BM/QT.03/QLĐT/07 |
| 10 | Tổ chức thi năng khiếu  |  | Ban chấm thi năng khiếu | Ban chấm thi năng khiếu                                 | Bộ hồ sơ tổ chức thi năng khiếu  | Tháng 7 hàng năm    |                  |
| 11 | Đưa ra ngưỡng ĐBCL của Trường, xây dựng tiêu chí và phương án xét tuyển   |  | Hội đồng tuyển sinh     |   | Tiêu chí, phương án xét tuyển  | Tháng 8 hàng năm    | BM/QT.03/QLĐT/08 |
| 12 | Kiểm tra hồ sơ lần 1  |  | Ban tuyển sinh          |   | Biên bản kiểm tra  | Tháng 9 hàng năm    | BM/QT.03/QLĐT/09 |

|    |   |  |                               |  |                   |  |
|----|---|--|-------------------------------|--|-------------------|--|
| 13 | Thực hiện xét tuyển lần 1 theo quy định theo quy định                                 | Căn cứ biên bản kiểm tra, thống kê hồ sơ ĐKXXT của thí sinh, HĐTS tiến hành xét tuyển theo quy định về thời gian và thành phần theo quyết định đã ban hành   | Hội đồng tuyển sinh           | Danh sách ĐKXXT của thí sinh, Biên bản xét của HĐTS, Tiêu chí phương án xét tuyển. | Tháng 9 hàng năm  | BM/QT.03/QLĐT/10<br>BM/QT.03/QLĐT/11<br>BM/QT.03/QLĐT/08 |
| 14 | Kiểm tra hồ sơ lần 2, thông báo danh sách trúng tuyển, gửi giấy triệu tập trúng tuyển | Sau khi có kết quả xét tuyển, Ban thư ký tiến hành kiểm tra hồ sơ lần 2 của thí sinh trúng tuyển, lập biên bản báo cáo HĐTS, HĐTS căn cứ biên bản kiểm tra hồ sơ thông báo danh sách trúng tuyển, gửi giấy báo trúng tuyển tới các thí sinh để thông báo các nội dung chuẩn bị nhập học. | Hội đồng tuyển sinh           | Biên bản kiểm tra hồ sơ, Danh sách trúng tuyển, Giấy báo trúng tuyển               | Tháng 9 hàng năm  | BM/QT.03/QLĐT/09<br>BM/QT.03/QLĐT/12<br>BM/QT.03/QLĐT/13 |
| 15 | Tổ chức nhập học lần 1  | Phòng Tổ chức - Công tác HSSV lập kế hoạch tiếp nhận sinh viên, xây dựng các biểu mẫu nhận hồ sơ của thí sinh theo nội dung thông báo trúng tuyển, kết hợp với bộ phận tuyển sinh để xác minh tình hình nhập học của thí sinh, lập danh sách thí sinh nhập học để báo cáo HĐTS.          | Phòng Tổ chức - Công tác HSSV | Phòng Hành chính - Tổng hợp, phòng Kế hoạch - tài chính, Phòng QLĐT & HTQT         | Tháng 10 hàng năm |  |
| 16 | Xét tuyển các đợt bổ sung   | Căn cứ tình hình nhập học thực tế của thí sinh HĐTS tiến hành xét tuyển các đợt bổ sung theo trình tự quy định.  | Ban tuyển sinh, HĐTS          | Các đơn vị trong trường  | Tháng 11 hàng năm |  |
| 17 | Lập mã HSSV, ra Quyết định phân lớp   | Kết thúc quá trình xét tuyển, gọi nhập học Phòng Tổ chức - Công tác HSSV căn cứ số lượng thực tế nhập học lập mã sinh viên, phân lớp cho học sinh sinh viên theo các tiêu chí cụ thể để đảm bảo tính đồng đều.   | Phòng Tổ chức - Công tác HSSV | Quyết định   | Tháng 12 hàng năm |  |
| 18 | Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ gốc của thí sinh với dữ liệu xét tuyển                      | Kết thúc quá trình nhập học của sinh viên, Ban thư ký tiến hành kiểm tra, đối chiếu dữ liệu xét tuyển của thí sinh với hồ sơ gốc của sinh viên đã nộp khi đến nhập học   | Hội đồng tuyển sinh           | Phòng Tổ chức - CTHSSV   | Tháng 01 hàng năm | BM/QT.03/QLĐT/09   |
| 19 | Báo cáo kết quả TS với Sở GD&ĐT, Sở LĐ-TB&XH, Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH                   | Ban thư ký lập báo cáo tuyển sinh trình HĐTS phê duyệt, gửi Sở GD&ĐT, Sở LĐ-TB&XH, Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH và cập nhật vào các trang điện tử về tuyển sinh của các Bộ theo quy định.   | Ban tuyển sinh                | Báo cáo  | Tháng 02 hàng năm |  |
| 20 | Lưu hồ sơ   | Kết thúc quá trình tuyển sinh các HĐTS lưu trữ hồ sơ theo quy định   | HĐTS                          | Bản cứng, bản mềm toàn bộ HS tuyển sinh  | Tháng 02 hàng năm |  |

### 5. Các công cụ/biểu mẫu/hướng dẫn

| <b>TT</b> | <b>Tên công cụ/biểu mẫu/hướng dẫn</b> | <b>Mã hóa</b>    |
|-----------|---------------------------------------|------------------|
| 1         | Kế hoạch tuyển sinh năm               | BM/QT.03/QLĐT/01 |
| 2         | Báo cáo xác định chỉ tiêu             | BM/QT.03/QLĐT/02 |
| 3         | Thành lập Ban tuyển sinh              | BM/QT.03/QLĐT/03 |
| 4         | Đề án tuyển sinh                      | BM/QT.03/QLĐT/04 |
| 5         | Thành lập HĐTS, Ban giúp việc         | BM/QT.03/QLĐT/05 |
| 6         | Thông báo tuyển sinh                  | BM/QT.03/QLĐT/06 |
| 7         | Thành lập Ban chấm thi năng khiếu     | BM/QT.03/QLĐT/07 |
| 8         | Tiêu chí và phương án xét tuyển       | BM/QT.03/QLĐT/08 |
| 9         | Biên bản kiểm tra hồ sơ               | BM/QT.03/QLĐT/09 |
| 10        | Danh sách ĐKXT của thí sinh           | BM/QT.03/QLĐT/10 |
| 11        | Biên bản xét của HĐTS                 | BM/QT.03/QLĐT/11 |
| 12        | Danh sách trúng tuyển                 | BM/QT.03/QLĐT/12 |
| 13        | Giấy báo trúng tuyển                  | BM/QT.03/QLĐT/13 |

SỞ GDĐT LANG SƠN  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

Lang Son, ngày .... tháng ..... năm .....

## KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

Các ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp hệ chính quy năm .....

*(Liệt kê các căn cứ xây dựng kế hoạch)*

Để triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ công tác tuyển sinh năm ....., trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Lạng Sơn ban hành kế hoạch hoạt động của ban tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp hệ chính quy năm ..... (sau đây gọi tắt là công tác tuyển sinh) với các nội dung như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: .....

2. Yêu cầu: .....

### II. NHIỆM VỤ, NỘI DUNG; HÌNH THỨC; THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ, nội dung

2. Hình thức:

3. Thời gian thực hiện:

\* Giai đoạn 1: .....

\* Giai đoạn 2: .....

\* Giai đoạn 3: .....

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Ban tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp hệ chính quy năm .....

2. Đối với các đơn vị trong trường

*Nơi nhận:*

- HT, các PHT;
- Ban TS ..... (t/h);
- Các đơn vị trong trường (p/h);
- Lưu VT, QLĐT&HTQT.

**HIỆU TRƯỞNG**

.....



|  |   |
|--|---|
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LẠNG SƠN<br>TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| <b>ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM.....</b>                |   |
| (Kèm theo công văn số:.....)                               |   |

| STT   | Loại chỉ tiêu  | Khối ngành đào tạo |               |                |               |              |               |                |
|-------|--|--------------------|---------------|----------------|---------------|--------------|---------------|----------------|
|       |  | Khối ngành I       | Khối ngành II | Khối ngành III | Khối ngành IV | Khối ngành V | Khối ngành VI | Khối ngành VII |
| 1     | Sau đại học  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 1.1   | Tiến sĩ  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 1.2   | Thạc sĩ  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 2     | Đại học  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 2.1   | Chính quy  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 2.1.1 | Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 2.1.2 | Các ngành đào tạo ưu tiên  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 2.2   | Liên thông từ trung cấp lên đại học chính quy  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 2.3   | Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy   |                    |               |                |               |              |               |                |
| 2.4   | Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên       |                    |               |                |               |              |               |                |
| 3     | Cao đẳng ngành giáo dục mầm non  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 3.1   | Chính quy  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 3.2   | Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy                                       |                    |               |                |               |              |               |                |
| 3.3   | Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng              |                    |               |                |               |              |               |                |
| II    | Vừa làm vừa học  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 1     | Đại học  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 1.1   | Vừa làm vừa học  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 1.2   | Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học                                  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 1.3   | Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học                                   |                    |               |                |               |              |               |                |
| 1.4   | Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên |                    |               |                |               |              |               |                |
| 2     | Cao đẳng ngành giáo dục mầm non  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 2.1   | Vừa làm vừa học  |                    |               |                |               |              |               |                |
| 2.2   | Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng Vừa làm vừa học                                 |                    |               |                |               |              |               |                |
| 2.3   | Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng        |                    |               |                |               |              |               |                |
| III   | Đào tạo từ xa  |                    |               |                |               |              |               |                |

SỞ GD&ĐT LẠNG SƠN  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

Lạng Sơn, ngày ..... tháng ..... năm .....

### QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm.....

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

*(Liệt kê các căn cứ thành lập quyết định)*

Xét đề nghị của Trưởng phòng QLĐT& HTQT,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Ban tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm.....

của trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn, gồm các ông (bà), có danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Ban tuyển sinh nhà trường có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm.....theo đúng quy chế hiện hành và được hưởng các chế độ theo quy định. Nhiệm vụ các thành viên do Trưởng ban phân công

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Tổ chức – Công tác HSSV, Kế hoạch – Tài chính và những người có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT (b/c);
- HT, các PHT (c/d);
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, HĐTTS ....., QLĐT&HTQT

.....

SỞ GDĐT LẠNG SƠN  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM .....**

(Kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Hiệu trưởng CĐSP Lạng Sơn)

1. Chủ tịch Hội đồng: ..... - Hiệu trưởng
2. Phó Chủ tịch TT: ..... - Phó Hiệu trưởng
3. Phó Chủ tịch: ..... - Phó Hiệu trưởng
4. Ủy viên TT: ..... - Phó Trưởng phòng QLĐT

**Các Ủy viên:**

5. .... - Trưởng phòng Quản lý đào tạo
6. .... - Trưởng phòng Tổ chức – Công tác HSSV
7. .... - Trưởng khoa .....
8. .... - Trưởng khoa .....
9. .... - Trưởng khoa .....
10. .... - Trưởng khoa .....
11. .... - Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp
12. .... - Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính

(Danh sách gồm có ..... người)



|           |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|-----------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3.3       | Đào tạo trình độ CĐ đối với người đã có bằng CĐ |   |   |   |   |   |   |   |   |
| <b>II</b> | <b>Vừa làm vừa học</b>                          | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| <b>1</b>  | <b>Đại học</b>                                  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1.1       | Vừa làm vừa học                                 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.1.1     | <i>Ngành....</i>                                |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.2       | Liên thông từ TC lên ĐH                         |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.2.1     | <i>Ngành....</i>                                |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.3       | Liên thông từ CĐ lên ĐH                         |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.3.1     | <i>Ngành....</i>                                |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.4       | Đào tạo trình độ ĐH đối với người đã có bằng ĐH |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.4.1     | <i>Ngành....</i>                                |   |   |   |   |   |   |   |   |
| <b>2</b>  | <b>Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non</b>          | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2.1       | Vừa làm vừa học                                 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2.2       | Liên thông từ TC lên CĐ                         |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2.3       | Đào tạo trình độ CĐ đối với người đã có bằng CĐ |   |   |   |   |   |   |   |   |

### 1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển), năm ..... và .....

.....

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

| TT                  | Nhóm ngành/Ngành/<br>Tổ hợp xét tuyển | Năm ..... |           |               |            | Năm ..... |           |               |            |
|---------------------|---------------------------------------|-----------|-----------|---------------|------------|-----------|-----------|---------------|------------|
|                     |                                       | Chỉ tiêu  | Số TT, NH | Điểm TT       |            | Chỉ tiêu  | Số TT, NH | Điểm TT       |            |
|                     |                                       |           |           | Điểm thi THPT | Xét Học bạ |           |           | Điểm thi THPT | Xét Học bạ |
| <b>Nhóm ngành I</b> |                                       |           |           |               |            |           |           |               |            |
| 1                   | <b>Giáo dục Mầm non</b>               |           |           |               |            |           |           |               |            |
|                     | <i>Toán, Ngữ văn, Năng khiếu</i>      |           |           |               |            |           |           |               |            |
|                     | <i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu</i> |           |           |               |            |           |           |               |            |
|                     | <i>Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu</i>   |           |           |               |            |           |           |               |            |
|                     | <i>Văn, GD&amp;ĐT, Năng khiếu</i>     |           |           |               |            |           |           |               |            |
| <b>Tổng</b>         |                                       |           |           |               |            |           |           |               |            |

### 2. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

#### 2.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá HSSV

- Tổng diện tích đất của trường: .....

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở thực tập, nhà đa năng, vườn thí nghiệm thực hành, ...):

.....

- Số chỗ ở ký túc xá cho HSSV: .....

- Diện tích xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của nhà trường tính trên sinh viên chính quy:

| TT  | Loại phòng  | Số lượng | Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> ) |
|-----|---|----------|--|
| 1   | Hội trường, giảng đường, các loại phòng học, phòng làm việc |          |  |
| 1.1 | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ                      |          |  |
| 1.2 | Phòng học từ 100 – 200 chỗ                                  |          |  |
| 1.3 | Phòng học từ 50 – 100 chỗ                                   |          |  |
| 1.4 | Phòng học dưới 50 chỗ                                       |          |  |
| 1.5 | Số phòng học đa phương tiện                                 |          |  |
| 1.6 | Số phòng học đa năng  |          |  |
| 1.7 | Nhà đa năng   |          |  |
| 1.8 | Sân vận động  |          |  |
| 1.9 | KTX sinh viên   |          |  |
| 2   | Trung tâm thư viện  |          |  |
| 3   | Các phòng thí nghiệm, thực hành, ...                        |          |  |

### 2.2. Thống kê các phòng thực hành, thực nghiệm và các trang thiết bị

| TT | Tên  | Số lượng | Danh mục trang thiết bị chính |
|----|--|----------|-------------------------------|
| 1  | Phòng học ngoại ngữ (Lab)                    |          |                               |
| 2  | Phòng thực hành âm nhạc                      |          |                               |
| 3  | Phòng máy tính, thực hành tin học            |          |                               |
| 4  | Khu vườn thực hành, thí nghiệm kỹ thuật, ... |          |                               |

### 2.3. Thống kê về học liệu (Giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí, học liệu, cơ sở dữ liệu, ...) trong thư viện

| TT | Nhóm ngành đào tạo   | Số lượng (cuốn) |
|----|--|-----------------|
| 1  | Giáo dục Mầm non   |                 |
| 2  | Lĩnh vực toán học và khoa học máy tính   |                 |
| 3  | Lĩnh vực sinh học, hóa học, nông nghiệp, chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật, kỹ thuật nông nghiệp, ...          |                 |
| 4  | Lĩnh vực văn hóa – xã hội, nhân văn, nghệ thuật, ...   |                 |
| 5  | Lĩnh vực ngôn ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng dân tộc, ...   |                 |
| 6  | Giáo trình môn chung: Chính trị, pháp luật, giáo dục học, tin học, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, ... |                 |
| 7  | Tài liệu tham khảo, sáng kiến, luận án, khóa luận tốt nghiệp, tiểu luận học phần, ...                          |                 |
|    | Tổng   |                 |

### 2.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục Mầm non

| TT  | Họ và tên | Giới tính | Chức danh khoa học | Trình độ chuyên môn | Chuyên môn đào tạo | Giảng dạy môn chung | Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh |           |
|---|-----------|-----------|--------------------|---------------------|--------------------|---------------------|--|-----------|
|   |           |           |                    |                     |                    |                     | Cao đẳng   |           |
|   |           |           |                    |                     |                    |                     | Mã ngành   | Tên ngành |
| 1   |           |           |                    |                     |                    |                     |  |           |
| 1   |           |           |                    |                     |                    |                     |  |           |
| <b>Tổng số giảng viên/giáo viên toàn trường:</b> .....(Trình độ đào tạo: Tiến sĩ: .....(...%); thạc sĩ:.....(...%); đại học: .....(...%), cao đẳng: .....(...%) |           |           |                    |                     |                    |                     |  |           |

2.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: .....

3. Các thông tin tuyển sinh năm.....

3.1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CĐ, CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ):

3.1.1. Đối tượng tuyển sinh: .....

3.1.2. Phạm vi tuyển sinh: .....

3.1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

3.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: Ghi rõ số, ngày ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của trường (nếu được cho phép tự chủ) đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật

| TT | Mã ngành | Tên ngành | Số văn bản cho phép mở ngành | Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | Năm bắt đầu đào tạo | Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh |
|----|----------|-----------|------------------------------|---|--------------------------------|---------------------|--|
|    |          |           |                              |   |                                |                     |  |

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

| TT | Trình độ đào tạo | Mã ngành | Ngành học | Chỉ tiêu       |              | Tổ hợp môn xét tuyển |
|----|------------------|----------|-----------|----------------|--------------|----------------------|
|    |                  |          |           | Điểm thi (20%) | Học bạ (80%) |                      |
|    |                  |          |           |                |              |                      |

3.1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

a) Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả điểm thi tại kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021.

b) Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT

\* Lưu ý: .....

3.1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

| TT | Mã trường | Trình độ đào tạo | Mã ngành | Chỉ tiêu       |              | Tổ hợp xét tuyển | Độ lệch giữa các tổ hợp |
|----|-----------|------------------|----------|----------------|--------------|------------------|-------------------------|
|    |           |                  |          | Điểm thi (20%) | Học bạ (80%) |                  |                         |
|    |           |                  |          |                |              |                  |                         |

Ưu tiên thí sinh xét tuyển thẳng theo các quy định hiện hành.

3.1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

a) Thời gian nhận hồ sơ: .....

b) Hình thức, địa điểm nhận hồ sơ ĐKXT: .....

3.1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

3.1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

3.1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

3.1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

3.1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/Công nghệ thông tin trình độ đại học (xác định rõ theo từng giai đoạn với thời gian xác định cụ thể): Không

a) Tên doanh nghiệp các nội dung hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đối tác và trách nhiệm của mỗi bên; trách nhiệm đảm bảo việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

b) Các thông tin khác triển khai áp dụng cơ ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học. (không trái quy định hiện hành)....

3.1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

a) Khóa tốt nghiệp năm.....

| Stt | Nhóm ngành     | Chỉ tiêu Tuyển sinh |      | Số SV trúng tuyển nhập học |      | Số SV tốt nghiệp |      | Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh |      |
|-----|----------------|---------------------|------|----------------------------|------|------------------|------|---|------|
|     |                | ĐH                  | CĐSP | ĐH                         | CĐSP | ĐH               | CĐSP | ĐH  | CĐSP |
| 1   | Khối ngành I   |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 2   | Khối ngành II  |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 3   | Khối ngành III |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 4   | Khối ngành IV  |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 5   | Khối ngành V   |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 6   | Khối ngành VI  |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 7   | Khối ngành VII |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
|     | <b>Tổng</b>    |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |

b) Khóa tốt nghiệp năm.....

| Stt | Nhóm ngành     | Chỉ tiêu Tuyển sinh |      | Số SV trúng tuyển nhập học |      | Số SV tốt nghiệp |      | Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh |      |
|-----|----------------|---------------------|------|----------------------------|------|------------------|------|---|------|
|     |                | ĐH                  | CĐSP | ĐH                         | CĐSP | ĐH               | CĐSP | ĐH  | CĐSP |
| 1   | Khối ngành I   |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 2   | Khối ngành II  |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 3   | Khối ngành III |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 4   | Khối ngành IV  |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 5   | Khối ngành V   |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 6   | Khối ngành VI  |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
| 7   | Khối ngành VII |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |
|     | <b>Tổng</b>    |                     |      |                            |      |                  |      |   |      |

3.1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp của nhà trường/năm:.....

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 01 sinh viên/năm: .....

- Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí: .....



**3.2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (không bao gồm chỉ tiêu liên thông VLVH trình độ ĐH, trình độ CĐ Ngành Giáo dục Mầm non và chỉ tiêu liên thông VLVH từ ĐH đối với người có bằng ĐH, từ CĐ đối với người có bằng CĐ): .....**

3.2.1. Đối tượng tuyển sinh

3.2.2. Phạm vi tuyển sinh

3.2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

3.2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

| Stt | Mã ngành | Tên ngành | Chỉ tiêu (dự kiến) | Số QĐ đào tạo VLVH | Ngày tháng năm ban hành QĐ | Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ | Năm bắt đầu đào tạo |
|-----|----------|-----------|--------------------|--------------------|----------------------------|--|---------------------|
| 1.  |          |           |                    |                    |                            |  |                     |
| 2.  |          |           |                    |                    |                            |  |                     |

3.2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

3.2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

3.2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

3.2.8. Chính sách ưu tiên.

3.2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

3.2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

3.2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

3.2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

3.2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

**4.3. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học: từ TC, CĐ lên ĐH, từ TC lên CĐ ngành Giáo dục Mầm non:.....**

4.3.1. Đối tượng tuyển sinh

4.3.2. Phạm vi tuyển sinh

4.3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

4.3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

| Stt | Trình độ đào tạo | Mã ngành | Ngành học | Chỉ tiêu chính quy (dự kiến) | Chỉ tiêu VLVH (dự kiến) | Số QĐ đào tạo LT | Ngày tháng năm ban hành QĐ | Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ | Năm bắt đầu đào tạo |
|-----|------------------|----------|-----------|------------------------------|-------------------------|------------------|----------------------------|--|---------------------|
| 1.  |                  |          |           |                              |                         |                  |                            |  |                     |
| 2.  |                  |          |           |                              |                         |                  |                            |  |                     |

4.3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

4.3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

4.3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển;

4.3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

4.3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

4.3.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

4.3.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

**4.4. Tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non các hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học đối với người có bằng CĐ; ĐH: .....**

4.4.1. Đối tượng tuyển sinh

4.4.2. Phạm vi tuyển sinh

4.4.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

4.4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

| Stt | Mã ngành | Tên ngành | Chỉ tiêu chính quy (dự kiến) | Chỉ tiêu VLVH (dự kiến) | Số QĐ đào tạo bằng tốt nghiệp đại học thứ hai | Ngày tháng năm ban hành QĐ | Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ | Năm bắt đầu đào tạo |
|-----|----------|-----------|------------------------------|-------------------------|---|----------------------------|--|---------------------|
| 1   |          |           |                              |                         |   |                            |  |                     |
| 2   |          |           |                              |                         |   |                            |  |                     |

4.4.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

4.4.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

**4.5. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học:.....**

4.5.1. Văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng, nội dung thoả thuận giữa các bên và các thông tin liên quan (Bộ ngành, UBND tỉnh)

4.5.2. Chỉ tiêu đào tạo

4.5.3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

4.5.4. Các nội dung tuyển sinh đào tạo theo đặt hàng do các trường quy định (không trái quy định hiện hành).

#### CÁN BỘ KÊ KHAI

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Điện thoại: .....

Email: .....

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Vụ GDĐH;

- HT, PHT;

- Các đơn vị trong trường;

- Lưu: VT, QLĐT.

SỞ GD&ĐT LẠNG SƠN  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

Lạng Sơn, ngày ..... tháng ..... năm .....

### QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Hội đồng tuyển sinh hệ ..... chính quy năm .....

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

*(Liệt kê các căn cứ thành lập quyết định)*

Xét đề nghị của Trường phòng QLĐT & HTQT,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tuyển sinh hệ ..... chính quy năm ..... của trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn, gồm các ông (bà), có danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng tuyển sinh nhà trường có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh hệ ..... chính quy năm ..... theo đúng quy chế hiện hành và được hưởng các chế độ theo quy định. Nhiệm vụ các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trường phòng QLĐT & HTQT, Tổ chức – Công tác HSSV, Kế hoạch – Tài chính và những người có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

#### Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- HT, các PHT (c/d);
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, HĐTS ....., QLĐT&HTQT

.....

SỞ GDĐT LẠNG SƠN  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM .....**

(Kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Hiệu trưởng CĐSP Lạng Sơn)

- |                       |       |  |
|-----------------------|-------|--|
| 1. Chủ tịch Hội đồng: | ..... | - Hiệu trưởng                          |
| 2. Phó Chủ tịch TT:   | ..... | - Phó Hiệu trưởng                      |
| 3. Phó Chủ tịch:      | ..... | - Phó Hiệu trưởng                      |
| 4. Ủy viên TT:        | ..... | - Phó Trưởng phòng QLĐT                |
| <b>Các Ủy viên:</b>   |       |  |
| 5. ....               | ..... | - Trưởng phòng Quản lý đào tạo         |
| 6. ....               | ..... | - Trưởng phòng Tổ chức – Công tác HSSV |
| 7. ....               | ..... | - Trưởng khoa .....                    |
| 8. ....               | ..... | - Trưởng khoa .....                    |
| 9. ....               | ..... | - Trưởng khoa .....                    |
| 10. ....              | ..... | - Trưởng khoa .....                    |
| 11. ....              | ..... | - Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp   |
| 12. ....              | ..... | - Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính    |

(Danh sách gồm có ..... người)

SỞ GDĐT LẠNG SƠN  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

Lạng Sơn, ngày .... tháng .... năm .....

**THÔNG BÁO**  
V/v tuyển sinh cao đẳng, trung cấp chính quy .....

**1. Cao đẳng chính quy****1.1. Ngành đào tạo, mã ngành, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh**

| TT | Ngành đào tạo    | Mã ngành | Tổ hợp môn xét tuyển | Chỉ tiêu |
|----|------------------|----------|----------------------|----------|
|    |                  |          |                      |          |
|    |                  |          |                      |          |
|    |                  |          |                      |          |
|    | <b>Tổng cộng</b> |          |                      |          |

**1.2. Đối tượng tuyển sinh:** .....**1.3. Phương thức tuyển sinh:****1.3.1. Phương thức 1:** .....

a) Tiêu chí xét tuyển: .....

b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT) gồm: .....

**1.3.2. Phương thức 2:** .....

a) Tiêu chí xét tuyển: .....

b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT) gồm: .....

**2. Trung cấp chính quy****2.1. Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh**

| TT | Ngành đào tạo    | Mã ngành | Tổ hợp xét tuyển | Chỉ tiêu   |
|----|------------------|----------|------------------|------------|
| 1  |                  |          |                  |            |
| 2  |                  |          |                  |            |
| 3  |                  |          |                  |            |
|    | <b>Tổng cộng</b> |          |                  | <b>160</b> |

**2.2. Đối tượng tuyển sinh, thời gian đào tạo:**.....**2.3. Phương thức tuyển sinh:** .....**2.4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:****3. Tổ chức thi/kiểm tra năng khiếu****3.1. Ngành tổ chức thi/kiểm tra năng khiếu, môn thi**

| TT | Ngành đào tạo | Mã ngành | Trình độ | Môn thi |
|----|---------------|----------|----------|---------|
| 1  |               |          |          |         |
| 2  |               |          |          |         |
| 3  |               |          |          |         |

- 3.2. Thời gian thi/kiểm tra năng khiếu:.....
4. Chính sách ưu tiên và xét tuyển thẳng
- 4.1. Chính sách ưu tiên: .....
- 4.2. Xét tuyển thẳng: .....
5. Lệ phí xét tuyển: .....
6. Phương thức, thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ
- 6.1. Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: .....
- 6.2. Phương thức nhận hồ sơ ĐKXT: .....

**HIỆU TRƯỞNG**

*Nơi nhận:*

- HT, các PHT;
- Các đơn vị trong trường;
- Đăng tải Website LCE.EDU.VN;
- Lưu: VT, HĐTS, QLĐT &HTQT

.....

TRƯỜNG CĐSP LANG SƠN  
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

Lạng Sơn, ngày ..... tháng ..... năm .....

### QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban chấm thi năng các ngành tuyển sinh năm .....

#### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

*Liệt kê các căn cứ*

*Theo đề nghị của Trưởng ban thư ký các Hội đồng tuyển sinh năm .....*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Ban chấm thi năng khiếu các ngành tuyển sinh năm ....., gồm các ông/bà (*Có danh sách kèm theo*).

**Điều 2.** Ban chấm thi có nhiệm vụ tổ chức thi năng khiếu các ngành có tổ hợp môn năng khiếu theo đúng quy chế tuyển sinh hiện hành và được hưởng các chế độ theo quy định. Nhiệm vụ các thành viên do Trưởng ban phân công.

Ban chấm thi làm việc từ ngày ..... đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các ông/bà Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Tổ chức - Công tác HSSV, Kế hoạch - Tài chính và những người có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3 (t/h);
- HT, các PHT (b/c);
- Lưu: VT, HĐTS .....

HIỆU TRƯỞNG

.....

TRƯỜNG CĐSP LANG SƠN  
**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

**DANH SÁCH BAN CHẤM THI NĂNG KHIẾU NĂM .....**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-CĐSP-HĐTS ngày ...../...../.....)

- |                    |       |                         |
|--------------------|-------|-------------------------|
| 1. Trưởng ban:     | ..... | - Hiệu trưởng           |
| 2. Phó Trưởng ban: | ..... | - Phó Hiệu trưởng       |
| 3. UVTT:           | ..... | - Phó trưởng phòng QLĐT |
| 4. Thư ký:         | ..... | - Cán bộ Phòng QLĐT     |
|                    | ..... | - Cán bộ Phòng QLĐT     |

**Các Ủy viên:**

**I. NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON**

- |         |  |
|---------|--|
| 5. .... | - Phó trưởng phòng Tổ chức – Công tác HSSV |
| 6. .... | - Giảng viên Khoa Giáo dục TH&THCS         |

**II. NGÀNH: THANH NHẠC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG VÀ TRUNG CẤP**

- |         |                                    |
|---------|------------------------------------|
| 7. .... | - Trưởng khoa Văn hóa – Nghệ thuật |
| 8. .... | - TTCM Khoa Văn hóa – Nghệ thuật   |

**III. NGÀNH: BIỂU DIỄN NHẠC CỤ PHƯƠNG TÂY**

- |          |  |
|----------|--|
| 9. ....  | - Giảng viên Khoa Văn hóa – Nghệ thuật |
| 10. .... | - Giảng viên Khoa Văn hóa – Nghệ thuật |

**IV. NGÀNH: NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN MÚA DÂN GIÀN DÂN TỘC**

- |          |  |
|----------|--|
| 11. .... | - Giảng viên Khoa Văn hóa – Nghệ thuật |
| 12. .... | - Giảng viên Khoa Văn hóa – Nghệ thuật |

**V. NGÀNH HỘI HỌA**

- |          |  |
|----------|--|
| 13. .... | - TTCM Khoa Văn hóa – Nghệ thuật       |
| 14. .... | - Giảng viên Khoa Văn hóa – Nghệ thuật |

**Phục vụ, bảo vệ:**

- |          |   |
|----------|---|
| 15. .... | - Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp          |
| 16. .... | - Cán bộ Phòng Hành chính – Tổng hợp, Y tế    |
| 17. .... | - Cán bộ Phòng Hành chính – Tổng hợp, phục vụ |
| 18. .... | - Cán bộ Phòng Hành chính – Tổng hợp, bảo vệ  |

(Danh sách gồm 18 người)



## THÔNG BÁO

TRƯỜNG CĐSP LẠNG SƠN  
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Lạng Sơn, ngày .....tháng..... năm .....

**Phương án và các tiêu chí xét tuyển các ngành tuyển sinh năm .....**

*(Liệt kê các căn cứ xây dựng phương án)*

Hội đồng tuyển sinh trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn xây dựng phương án và tiêu chí xét tuyển các hệ tuyển sinh chính quy năm ..... như sau:

**1. Phương thức tuyển sinh**

**1.1. Hệ cao đẳng chính quy:**

a) Đối tượng xét tuyển: .....

b) Phương thức xét tuyển: .....

- Phương thức 1: .....

- Phương thức 2: .....

**1.2. Hệ trung cấp:**

a) Đối tượng xét tuyển: .....

b) Phương thức xét tuyển: .....

- Phương thức 1: .....

- Phương thức 2: .....

**1.3. Xét tuyển thẳng:** .....

**2. Tiêu chí và nguyên tắc xét tuyển**

**2.1. Hệ cao đẳng chính quy:**

**2.1.1. Phương thức 1:** .....

a) Tiêu chí xét tuyển:.....

b) Chỉ tiêu xét tuyển: .....

**2.1.2. Phương thức 2:** .....

a) Tiêu chí xét tuyển:.....

b) Chỉ tiêu xét tuyển: .....

**2.1.3. Nguyên tắc xét tuyển:**

**2.2. Hệ trung cấp chính quy**

a) Tiêu chí xét tuyển:.....

b) Chỉ tiêu xét tuyển: .....

Phương án và tiêu chí, nguyên tắc xét tuyển các hệ tuyển sinh chính quy năm ..... là căn cứ để Hội đồng tuyển sinh nhà trường tổ chức xét tuyển đảm bảo đúng các văn bản quy định về công tác tuyển sinh hiện hành.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ TRÚNG TUYỂN SINH NĂM.....**

Vào hồi ... h ... ngày ... tháng ... năm ....., Ban thư ký các Hội đồng tuyển sinh năm .....tiến hành kiểm tra hồ sơ tuyển sinh các hệ với thành phần và nội dung kiểm tra như sau:

**I – Thành phần kiểm tra:**

1- Người kiểm tra: .....

**II – Nội dung kiểm tra:**

1. Số lượng hồ sơ tuyển sinh đã thu đến thời điểm hiện tại
2. Số lượng hồ sơ theo các tổ hợp môn (nếu có)
3. Kiểm tra bảng điểm nhập dữ liệu với điểm thực tế trong hồ sơ tuyển sinh.
4. Kiểm tra thông tin cá nhân cá nhân với hồ sơ tuyển sinh.

**III – Kết quả kiểm tra**

1. Số lượng hồ sơ tuyển sinh đã thu đến thời điểm hiện tại:.....
2. Số lượng hồ sơ theo các tổ hợp môn (nếu có):.....
3. Kết quả kiểm tra bảng điểm nhập dữ liệu với điểm thực tế trong hồ sơ tuyển sinh.

\* Bảng điểm nhập dữ liệu với điểm thực tế trong hồ sơ tuyển sinh có.....hồ sơ nhập đúng với thông tin trong hồ sơ thực tế, cụ thể:

- Hệ.....ngành.....số lượng:.....

\* Bảng điểm nhập dữ liệu với điểm thực tế trong hồ sơ tuyển sinh có.....hồ sơ nhập sai với thông tin trong hồ sơ thực tế, cụ thể:

- Hệ.....ngành.....số lượng:....., gồm các hồ sơ của học sinh:

4. Kết quả kiểm tra thông tin cá nhân cá nhân với hồ sơ tuyển sinh.

\* Bảng điểm nhập dữ liệu với thông tin cá nhân trong hồ sơ tuyển sinh có.....hồ sơ nhập đúng với thông tin trong hồ sơ thực tế, cụ thể:

- Hệ.....ngành.....số lượng:.....

\* Bảng điểm nhập dữ liệu với thông tin cá nhân trong hồ sơ tuyển sinh có.....hồ sơ nhập đúng với thông tin trong hồ sơ thực tế, cụ thể:

- Hệ.....ngành.....số lượng:.....

- Hệ.....ngành.....số lượng:.....

Biên bản kết thúc vào hồi ...h... ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI NHẬP DỮ LIỆU**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI LƯU GIỮ HỒ SƠ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI KIỂM TRA**

(Ký và ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG CĐSP LẠNG SƠN  
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày ..... tháng ..... năm .....

### BIÊN BẢN

Xét tuyển sinh hệ ..... khối ..... đợt ....., năm.....

1. Thời gian: .....h....., ngày ..... tháng ..... năm .....

2. Địa điểm: .....

3. Thành phần:

Theo Quyết định số ...../QĐ-CĐSP ngày ..... của Hiệu trưởng trường  
CĐSP Lạng Sơn;

Chủ trì cuộc họp: Ông ....., Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tuyển  
sinh năm .....

4. Nội dung:

4.1. Ông ....., Phó Hiệu trưởng – Phó Chủ tịch TT\_HĐTS thông qua  
quy trình họp xét tuyển sinh; đánh giá tổng quát công tác tuyển sinh khối..... năm  
..... của nhà trường.

Hội đồng xét tuyển sinh thực hiện công tác tuyển sinh theo các văn bản chỉ  
đạo, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và UBND tỉnh:

.....  
.....

- Một số văn bản liên quan khác.

4.2. Trưởng ban thư ký HĐTS báo cáo tổng hợp dữ liệu tuyển sinh khối  
..... đợt....., năm .....

4.3. Trưởng ban TK\_HĐTS thông qua nguyên tắc và tiêu chí xét tuyển

\* Tiêu chí xét tuyển:

Xét điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm.....

.....  
.....

Xét điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm.....

.....  
.....

\* Nguyên tắc xét tuyển:

.....  
.....

Các ý kiến của HĐTS:.....

#### 4.4. Hội đồng tổ chức xét tuyển

Căn cứ Quy chế, Hướng dẫn tuyển sinh năm..... của ....., Hội đồng tuyển sinh đã tiến hành xét tuyển từng trường hợp cụ thể theo danh sách, hồ sơ thí sinh ĐKXT các nguyện vọng khối đào tạo giáo viên. Kết quả cụ thể:

| - Chỉ tiêu tuyển sinh:           | Xét điểm thi | Xét Học bạ | Tổng |
|----------------------------------|--------------|------------|------|
| - Số hồ sơ ĐKXT:                 |              |            |      |
| - Số hồ sơ đủ ĐKXT:              |              |            |      |
| - Số thí sinh trúng tuyển:       |              |            |      |
| - Mức điểm trúng tuyển           |              |            |      |
| - Số thí sinh không trúng tuyển: |              |            |      |
| - Tổng số thí sinh trúng tuyển:  |              |            |      |

#### 4.5. Dự kiến thời gian, hồ sơ nhập học Đợt .....

- Thời gian dự kiến nhập học: .....h00, ngày .....

- Hồ sơ nhập học: theo quy định.

Hội đồng tuyển sinh thống nhất lập biên bản và giao cho Ban Thư ký HĐTS hoàn thiện hồ sơ, lập danh sách thí sinh trúng tuyển của từng chuyên ngành, in và gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển; công bố và cập nhật lên hệ thống phần mềm quản lý tuyển sinh, Website nhà trường đảm bảo theo đúng các quy định của Quy chế, văn bản hướng dẫn tuyển sinh hiện hành.

Hội đồng xét tuyển kết thúc vào hồi .....h00 ngày ..... /.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH**

**TM. BAN THƯ KÝ HĐTS  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

.....

.....



SỞ GDĐT LẠNG SƠN  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

31  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày ..... tháng ..... năm .....

Mã TT: .....

## GIẤY BÁO TRÚNG TUYỂN

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM LẠNG SƠN THÔNG BÁO CHO ANH/CHỊ:**

Họ và tên: .....

Sinh ngày: .....

Số chứng minh nhân dân/Căn cước công dân: .....

Anh/Chị đã trúng tuyển vào Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn, phương thức xét tuyển: .....

Đối tượng: ..... ; Khu vực: .....

Ngành trúng tuyển: .....

Trình độ đào tạo: ..... ; Hình thức đào tạo: .....

Nhà trường trân trọng thông báo Anh/Chị đến làm thủ tục nhập học:

Thời gian: .....

Địa điểm: **Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn, Số 9 Khối Đèo Giang, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.**

Hồ sơ nhập học gồm các loại giấy tờ ghi chi tiết ở mặt sau thông báo này.

Anh/Chị không tham gia nhập học vui lòng liên hệ : Ban Tuyển sinh Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn, Số điện thoại : .....

Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn trân trọng đề nghị các cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện, giúp đỡ để thí sinh trúng tuyển có đầy đủ giấy tờ đến trường nhập học đúng thời gian quy định.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

HIỆU TRƯỞNG

.....